

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01-4-2022
V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

2. Bà Trần Thị Kham Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Kim The - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà T, sinh năm: 1996 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* Ông G, sinh năm: 1992 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - bà T trình bày: Bà và ông G chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 21/5/2020. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông G không lo lắng cho gia đình, không đi làm để tạo thu nhập mà thường xuyên đi chơi ăn nhậu cùng bạn bè. Vì không có nguồn thu nhập chính nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mỗi lần xảy ra mâu

thuần, mẹ chồng bà đều khuyên ngăn cho ông G cơ hội để sửa đổi. Bà thương con nên đã cho ông G nhiều cơ hội nhưng ông G vẫn không sửa đổi tính tình. Đến tháng 4 năm 2021, bà cùng ông G đến huyện F, thành phố Hồ Chí Minh để đi làm. Thời gian đầu, ông G có đi làm nhưng sau đó nghỉ làm, tiếp tục tụ tập bạn bè ăn nhậu, chơi bời nhiều hơn. Trong nhiều lần cãi vã, ông G thường xuyên không tôn trọng bà và gia đình mẹ ruột của bà. Hiện tại bà và con đã về nhà mẹ ruột của bà sinh sống và đã ly thân với ông G gần 01 năm nay. Nay bà xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông G.

- Về con chung: Bà và ông G có một con chung tên H, sinh ngày 13/02/2020. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- * Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông G vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ông G không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- * Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày như đã nêu trên, bị đơn vắng mặt không lý do.

- * Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn: chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn: chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn T với bị đơn G là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn G vắng mặt không lý do. Ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Ông G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông G vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ông G cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà T và ông G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Long An nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T thì trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Ông G không lo lắng cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, không đi làm để tạo nguồn thu nhập mà thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, ăn nhậu. Do có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên bà T và ông G đã ly thân khoảng 01 năm nay. Xét thấy, trong suốt thời gian ly thân, bà T và ông G mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông G không có thiện chí và giải pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng ông G đã vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ngoài ra, theo biên bản xác minh ngày 25/01/2022 của Tòa án, bà I là mẹ ruột bà T và bà K là mẹ ruột ông G cũng trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng bà T - ông G phát sinh nhiều mâu thuẫn, xuất phát từ mâu thuẫn kinh tế trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, gia đình cha mẹ hai bên đã hòa giải hàn gắn nhưng không thành, hiện nay vợ chồng bà T - ông G đã sống ly thân. Tại phiên tòa, bà T không đồng ý đoàn tụ gia đình mà kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà T và ông G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà T và ông G có một con chung tên H, sinh ngày 13/02/2020. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ cho đến hiện nay. Theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Ông G không cung cấp ý kiến tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao con chung cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông G không cung cấp ý kiến tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông G không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bà T được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên H, sinh ngày 13/02/2020.

Ông G không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về án phí: Bà T có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0004074 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C sang án phí, bà T không phải nộp thêm. Ông G không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương Chi

